

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Bà Huỳnh Phương Lan

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Nh, sinh năm 1981 (có mặt)

HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1976 (vắng mặt)

HKTT: Khu phố A, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn bà Phùng Thị Nh trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Do quen biết với nhau nên từ năm 2000 đến năm 2009 bà Nh có cho bà Th vay tiền nhiều lần, bà Th có trả rồi vay lại. Ngoài ra, bà Th còn mượn bà 01 chân hui và đã hót hui. Đến ngày 16-8-2018, bà Nh và bà Th chốt nợ lại với nhau và làm biên nhận là bà Th còn thiếu bà Nh số tiền 81.020.000 đồng và 03 chỉ 05 phân

vàng 24k (loại 9999) cùng với tiền hốt hụi là 12.000.000 đồng. Ngày 16-6-2019, bà Th tiếp tục hỏi vay bà Nh thêm số tiền 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999) và hứa sẽ trả cho bà Nh. Đến tháng 11-2020, bà Th vẫn không trả tiền và vàng nên bà Nh yêu cầu bà Th ký biên nhận vào ngày 03-11-2020 là có vay bà Nh 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999), hẹn ngày 16-11-2020 sẽ trả cho bà Nh nhưng đến nay cũng chỉ trả được có 1.100.000 đồng. Các biên nhận nợ trên đều do bà Th viết và ký tên. Khi cho bà Th vay tiền thì giữa bà Nh và bà Th không thỏa thuận lãi suất, ngày 16-8-2018 khi chốt nợ lại thì bà Nh và bà Th cũng không thỏa thuận lãi suất mà chỉ chốt nợ cho bà Th trả nợ gốc hàng tháng 1.000.000 đồng nhưng bà Th không thực hiện việc trả nợ nên bà Nh khởi kiện và yêu cầu bà Th trả nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Hiện nay bà Th còn nợ bà Nh tổng cộng là 93.920.000 đồng và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999). Bà Nh không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với chồng bà Th là ông Tô Bửu T vì số tiền và vàng này là do bà Th trực tiếp hỏi vay bà Nh và trực tiếp nhận từ bà Nh.

Tại đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền vay là 93.920.000 đồng (trong đó có tiền bà Th hốt hụi là 12.000.000 đồng) và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999), yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 93.020.000 đồng từ ngày 16-8-2018 và số tiền vay 900.000 đồng từ ngày 15-11-2020 cho đến ngày xét xử, còn về số vàng mượn bà không yêu cầu tính lãi suất. Nay bà Th chỉ thừa nhận là tiền hốt hụi có 6.300.000 đồng, bà Nh cũng đồng ý là 6.300.000 đồng. Tại phiên tòa bà Nh có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi bà Th mượn là 5.700.000 đồng, còn lại 6.300.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền mượn hụi 6.300.000 đồng và số tiền 900.000 đồng; bà Nh chỉ yêu cầu bà Th trả tổng cộng là 88.220.000 đồng và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999) quy đổi ra tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 5.200.000 đồng/chỉ, không yêu cầu tính lãi suất đối với số vàng mượn, chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 81.020.000 đồng từ ngày 16-8-2018 cho đến ngày xét xử. Bà Nh yêu cầu bà Th trả nợ trong thời hạn một tháng.

**\* Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Th trình bày tại Tòa án:** Do quen biết với nhau nên từ năm 2000 đến năm 2009 bà Th có hỏi vay tiền của bà Nh nhiều lần, bà có trả rồi vay lại. Ngoài ra, bà còn chơi dùm cho bà Nh 01 chân hụi với số tiền là 300.000 đồng/tháng và bà đã hốt hụi. Hiện nay dây hụi đã kết thúc và bà còn nợ lại bà Nh số tiền hụi là 6.300.000 đồng chưa thanh toán. Đến ngày 16-8-2018, bà và bà Nh có chốt nợ lại với nhau và làm biên nhận là bà còn thiếu bà Nh số tiền 81.020.000 đồng và 03 chỉ 05 phân vàng 24k (loại 9999) cùng với 01 chân hụi 600.000 đồng/tháng, 21 người. Tuy nhiên, thực tế bà có tham gia chơi dùm 01

chân hụi cho bà Nh chỉ là 300.000 đồng/tháng nhưng do thời điểm bà viết biên nhận ngày 16-8-2018 bà không nhớ rõ mà chỉ nghe bà Nh nói lại nên bà mới viết biên nhận đối với số tiền hụi là 600.000 đồng/tháng. Nay bà Th chỉ thừa nhận bà tham gia chơi hụi dùm cho bà Nh với số tiền là 300.000 đồng/tháng. Tổng số tiền hụi bà Nh đã gửi bà đóng dùm cho bà Nh với chủ hụi là 21 lần x 300.000 đồng/tháng = 6.300.000 đồng. Ngày 16-6-2019, bà Th lại tiếp tục hỏi vay bà Nh thêm số tiền 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999) và hứa sau đó sẽ trả cho bà Nh nhưng không có tiền trả. Vào ngày 03-11-2020, bà Th viết biên nhận là có vay của bà Nh 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999), hẹn đến ngày 16-11-2020 sẽ trả cho bà Nh nhưng đến nay bà chỉ trả được 1.100.000 đồng cho bà Nh.

Bà Th thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nh số tiền vay là 81.920.000 đồng, tiền mượn hụi là 6.300.000 đồng và vàng là 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999). Đối với khoản nợ này bà đồng ý trả cho bà Nh nhưng do hiện nay bà không có khả năng thanh toán nên xin bà Nh một thời gian nữa khi nào bà có tiền sẽ thanh toán cho bà Nh. Số nợ trên là do bà tự vay mượn của bà Nh, chồng bà là ông Tô Bửu T không liên quan gì đối với số nợ này.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Ngọc Th vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Nh đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc Th; ghi nhận sự tự nguyện của bà Phùng Thị Nh về việc rút một phần yêu cầu và đình chỉ một phần yêu cầu của số tiền vay theo yêu cầu của bà Nh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 19-01-2021, bà Phùng Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Ngọc Th trả cho bà số tiền là 93.920.000 đồng và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Th không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên

tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Phùng Thị Nh có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui bà Th mượn là 5.700.000 đồng, còn lại 6.300.000 đồng; rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mượn hui 6.300.000 đồng và số tiền vay 900.000 đồng. Bà Nh yêu cầu bà Th trả tổng cộng là 88.220.000 đồng và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999) quy đổi ra tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 5.200.000 đồng/chỉ, bà Nh không yêu cầu tính lãi suất đối với số vàng quy đổi ra tiền, chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 81.020.000 đồng từ ngày 16-8-2018 cho đến ngày xét xử, Tòa án nhận thấy:

Từ năm 2000 đến năm 2009 bà Nh có cho bà Th vay tiền nhiều lần. Đến ngày 16-8-2018, bà Nh và bà Th có chốt nợ lại với nhau là bà Th còn thiếu bà Nh số tiền 81.020.000 đồng và 03 chỉ 05 phân vàng 24k (loại 9999) cùng với tiền hui bà Th mượn là 6.300.000 đồng. Đến ngày 16-6-2019, bà Th vay bà Nh thêm số tiền 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999), bà Th đã trả được 1.100.000 đồng, còn lại 900.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (9999). Tại Tòa án, bà Th thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nh số tiền vay là 81.920.000 đồng, tiền chơi hui dùm bà Nh là 6.300.000 đồng, tổng cộng là 88.220.000 đồng và số vàng 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999). Bà Th đồng ý trả nợ cho bà Nh nhưng đưa ra lý do hiện nay không có khả năng thanh toán, khi nào có tiền thì mới trả nợ cho bà Nh; còn bà Nh thì yêu cầu bà Th trả nợ trong thời hạn 01 tháng.

Do đó, việc bà Nh yêu cầu bà Th trả số tiền vay là 88.220.000 đồng và 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999) là có cơ sở chấp nhận.

Số vàng 04 chỉ 05 phân vàng 24k (9999) quy đổi ra tiền theo giá thị trường tại ngày xét xử theo yêu cầu bà Nh là  $5.200.000 \text{ đồng/chỉ} = 23.400.000 \text{ đồng}$ ;

Tổng cộng tiền vay và vàng là 111.620.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Nh về việc tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 81.020.000 đồng từ ngày 16-8-2018 đến ngày xét xử :

Bà Nh và bà Th đều xác nhận rằng bà Nh cho bà Th vay tiền không tính lãi suất và trong biên nhận vay tiền giữa bà Nh và bà Th cũng không thể hiện lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là  $10\%/năm = 0,833\%/tháng$ . Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 81.020.000 đồng tính lãi suất từ ngày 16-8-2018 đến ngày xét xử 21-5-2021 là:  $81.020.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 33 \text{ tháng} = 22.384.086 \text{ đồng}$ .

[3] Tại phiên tòa bà Phùng Thị Nh xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Ngọc Th về số tiền mượn hui 5.700.000 đồng; rút lại yêu cầu tính lãi

suất đối với số tiền mượn hụi 6.300.000 đồng và số tiền vay 900.000 đồng nên HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nh; buộc bà Huỳnh Ngọc Th phải trả cho bà Phùng Thị Nh số tiền 111.620.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 22.384.086 đồng, tổng cộng là 134.004.086 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ có thời hạn của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Nh như sau: 134.004.086 đồng x 5% = 6.700.204 đồng.

Bà Phùng Thị Nh không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng cho bà Nh theo biên lai thu số 0001476 ngày 21-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469, 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nh.

**2.** Buộc bà Huỳnh Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Nh số tiền 111.620.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 22.384.086 đồng, tổng cộng là 134.004.086 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, bốn nghìn không trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Th không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà Nh khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nh đối với bà Huỳnh Ngọc Th về số tiền mượn hụi 5.700.000 đồng; về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mượn hụi 6.300.000 đồng và số tiền vay 900.000 đồng.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc Th có nghĩa vụ nộp án phí là 6.700.204 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng).

Bà Phùng Thị Nh không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng cho bà Nh theo biên lai thu số 0001476 ngày 21-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**5.** Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**

